TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/DS- ST
Ngày: 26-10-2018
V/v tranh chấp *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Bồng

2. Ông Hoàng Xuân Tỵ

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đinh Duy Toàn- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà*:** Ông Trần Thanh Hoàng- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 30/2018/TLST- DS ngày 06 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị C**, sinh năm 1961; địa chỉ: xóm X, thôn X, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông **Đỗ Hữu S**, sinh năm 1952; địa chỉ: số nhà X, đường H, tổ X, phường X, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông **Dương Xuân L**, sinh năm 1956; bà **Lương Thị N**, sinh năm 1963; địa chỉ: số nhà X, đường L, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; ông L có mặt; bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Huỳnh Phi H**, sinh năm 1958; xóm X, thôn X, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông **Đỗ Hữu S**, sinh năm 1952; địa chỉ: số nhà X, đường H, tổ X, phường X, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

4. Người tham gia tố tụng khác: Bà **Đỗ Thị L**, sinh năm 1963; địa chỉ: số nhà X, đường L, tổ X, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2018 và những lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thể hiện như sau:

Do quen biết nhau từ trước nên nguyên đơn đã nhiều lần cho bị đơn vay tiền, các lần cho vay tiền cụ thể như sau:

+ Ngày 13/02/2015, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng), lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay không ghi trên giấy vay tiền nhưng có hứa hẹn mượn tiền để làm ăn khi nào nguyên đơn cần thì phải trả lại. Ngày 12/5/2016, bị đơn đã trả cho nguyên đơn tiền gốc được 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và 252.000.000 đồng tiền lãi (1.200.000.000 đồng x 1,5% x 14 tháng = 252.000.000 đồng). Số tiền gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng).

+ Ngày 31/5/2016, ông L lại tới gặp bà C để hỏi vay thêm 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay không ghi trên giấy vay tiền nhưng ông L hứa hẹn vay tiền đáo hạn ngân hàng 3 ngày xong sẽ trả nên bà C tiếp tục cho ông L vay 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi vay được tiền ông L cố tình không trả tiền gốc cũng như tiền lãi cho bà C mặc dù bà C đã đòi nợ nhiều lần.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông L, bà N có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 0.83%/ tháng, thời gian tính lãi từ ngày 27/02/2018 (ngày nộp đơn khởi kiện) cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

- Bị đơn ông Dương Xuân L trình bày:

Về khoản vay 1.200.000.000 đồng ngày 13/02/2015, ông L thừa nhận có vay của vợ chồng bà C, ông H, mục đích vay tiền để trang trải công việc trong gia đình. Ngày 12/5/2016 ông L đã trả cho bà C tiền gốc được 300.000.000 đồng và trả tiền lãi đầy đủ (lãi suất 3%/tháng). Còn 900.000.000 đồng đến ngày 20/5/2016 ông L đã trả đủ cho bà C tại nhà ông L kèm theo 7.200.000 đồng tiền lãi. Khi trả số tiền này thì giữa ông L và bà C không lập thành văn bản giấy tờ, không có ai làm chứng, chỉ có ông L và bà C biết với nhau, ông L có nói và bà C đồng ý về nhà sẽ hủy giấy vay tiền đi. Tuy nhiên, hiện nay bà C không hủy giấy vay tiền đó đi mà lại dùng giấy này để kiện ông L. Do đó, ông L cho rằng khoản vay này bà C kiện ông L là không đúng.

Về khoản vay 600.000.000 đồng ngày 31/5/2016, ông L thừa nhận có vay của vợ chồng bà C, ông H, mục đích vay tiền để trang trải công việc gia đình. Khoản vay này ông L đã trả cho bà C được 14 tháng tiền lãi, mỗi tháng 18.000.000 đồng (lãi suất 3%/ tháng), tổng cộng tiền lãi ông L đã trả là 252.000.000 đồng. Sau đó ông L không còn khả năng trả lãi cho bà C nữa. ông L có nói với bà C hiện tại bà Đỗ Thị L (tên thường gọi là CM) có nợ ông L tiền, để chờ bà L bán đất hoặc bàn ghế trả cho ông L thì ông L mới có tiền trả cho bà C hoặc để cho ông L trả góp hàng tháng nhưng bà C không đồng ý, bà C ép ông L sang xưởng gỗ bà L lấy bàn ghế để trừ nợ. Ngày 01/12/2017 bà C đã lấy 02 bộ bàn ghế, 01 bộ trường kỷ, 01 bàn thờ, 01 bàn trang điểm, 01 bộ tranh, 10 ghế ngồi, tổng giá trị là 470.000.000 đồng. Như vậy, hiện tại ông L chỉ còn nợ bà C tiền gốc là 130.000.000 đồng và 4 tháng tiền lãi của số tiền 600.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 130.000.000 từ ngày 01/12/2017 cho đến nay. Số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng này và

tiền lãi phát sinh là nợ riêng của ông L nên ông L có trách nhiệm tự trả, không liên quan gì đến bà N vợ ông L.

Đối với số tiền lãi mà ông L đã trả cho vợ chồng bà C ông H trước đây thì ông L không yêu cầu Tòa án xem xét lại.

Nay ông L đồng ý trả cho vợ chồng bà C ông H tiền nợ gốc 130.000.000 đồng và trả dần theo hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng.

Bà Lương Thị N trình bày: Bà N không đồng ý với việc bà C khởi kiện bà. Giữa bà C với ông L có quan hệ vay mượn tiền bạc với nhau như thế nào bà không biết, bà không liên quan gì. Do bận công việc nên bà N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt bà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phi H; người đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Đỗ Hữu S thống nhất với toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị C.

- *Người làm chứng bà Đỗ Thị L trình bày:* Trước đây bà L có nợ ông L 470.000.000 đồng, trong khi đó ông L cũng đang nợ bà C một số tiền. Do không trả được nợ bằng tiền mặt nên giữa ông L, bà C và bà L đã thỏa thuận là bà L giao đồ gỗ của bà L cho bà C để cấn trừ nợ tay ba. Bà C đã trực tiếp đưa người đến lấy đồ gỗ của bà L gồm: 01 bộ ghế Minh tay 14 trị giá 140.000.000 đồng; 01 bộ ghế Minh tay 12 trị giá 120.000.000 đồng; 01 bộ trường kỷ trị giá 100.000.000 đồng; 01 bàn thờ trị giá 50.000.000 đồng; 10 ghế bàn ăn trị giá 11.000.000 đồng; 01 bàn trang điểm trị giá 4.000.000 đồng; 01 bộ tranh trị giá 45.000.000 đồng. Tổng cộng trị giá 470.000.000 đồng. Bà L xác định bà C lấy đồ gỗ của bà L để cấn trừ nợ cho ông L là đúng. Do bận công việc nên bà L đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt bà.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án vào ngày 04/5/2018 nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và lãi là 1.935.000.000 đồng (tiền gốc là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi là 435.000.000 đồng, lãi suất 1%/ tháng, thời gian tính lãi từ ngày 31/5/2016 cho đến ngày xét xử)

Bị đơn ông L vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu như trên. Tuy nhiên, ông L yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi ông đã trả cho nguyên đơn theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn cá nhân ông L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 904.000.000 đồng và tiền lãi theo Điều 468 Bộ luật dân sự; về án phí đề nghị giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Lương Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh nên xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản". Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại "Giấy biên nhận vay tiền" bản gốc viết tay trên giấy kẻ ngang ngày 13/02/2015 do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án (bút lục 16) có nội dung thể hiện: Ngày 13/02/2015 ông Dương Xuân L có vay của bà C số tiền 1.200.000.000 đồng, người vay ông L đã ký, ghi rõ họ tên. Khoản vay này ngày 12/5/2016 ông L đã trả cho bà C tiền gốc là 300.000.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 900.000.000 đồng.

Tại "Giấy nhận vay tiền" bản gốc viết tay trên giấy kẻ ngang ngày 31/5/2016 do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án (bút lục 16 mặt sau) có nội dung thể hiện: Ngày 31/5/2016 ông Dương Xuân L có vay của bà C số tiền 600.000.000 đồng, người vay ông L đã ký, ghi rõ họ tên.

Căn cứ chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên và lời trình bày thừa nhận nợ của ông L, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để khẳng định việc ông L vay tiền bà C nhiều lần với tổng số tiền 1.800.000.000 đồng là hoàn toàn có thật. Tuy giấy tờ về việc vay tiền không ghi khoản vay có lãi nhưng các bên đều thừa nhận có thỏa thuận ngoài về lãi suất và vay không có kỳ hạn. Mặt khác, mặc dù trong giấy tờ về việc vay tiền chỉ một mình ông L ký nhưng ông L thừa nhận vay tiền để đáo hạn nợ ngân hàng và chi tiêu phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình nên cần xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông L bà N.

Về khoản vay ngày 13/02/2015, thì ngày 12/5/2016 ông L đã trả cho bà C được 300.000.000 đồng (bà C đã xác nhận việc này). Số tiền nợ gốc còn lại là 900.000.000 đồng ông L cho rằng đến ngày 20/5/2016 ông L đã trả đủ cho bà C tại nhà ông L kèm theo 7.200.000 đồng tiền lãi nhưng ông L không đưa ra được bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp trong khi cũng không được bà C thừa nhận nên không có cơ sở để chấp nhận.

Về khoản vay 600.000.000 đồng ngày 31/5/2016, thì giữa ông L, bà C và bà L đã thỏa thuận tay ba với nhau là bà L giao đồ gỗ của bà L cho bà C để bà C trừ nợ cho ông L. Bà C đã trực tiếp đưa người đến lấy đồ gỗ của bà L gồm: 01 bộ ghế Minh tay 14 trị giá 140.000.000 đồng; 01 bộ ghế Minh tay 12 trị giá 120.000.000 đồng; 01 bộ trường kỷ trị giá 100.000.000 đồng; 01 bàn thờ trị giá 50.000.000 đồng; 10 ghế bàn ăn trị giá 11.000.000 đồng; 01 bàn trang điểm trị giá 4.000.000 đồng; 01 bộ tranh trị giá 45.000.000 đồng. Tổng cộng trị giá 470.000.000 đồng. Mặc dù bà C không thừa nhận việc cấn trừ nợ này nhưng lời trình bày của bà L, ông L phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở để chấp nhận.

Về yêu cầu tính lại tiền lãi của ông L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông L trình bày đã trả lãi đầy đủ cho nguyên đơn nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả tiền lãi khoản vay

1.200.000.000 đồng là 252.000.000 đồng nên có cơ sở để xem xét. Đây là khoản vay có tranh chấp về lãi nên căn cứ Điều 476 Bộ luật dân sự 2005, tính lại tiền lãi như sau: 1.200.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 14 = 126.000.000 đồng.

Số dư bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 252.000.000 đồng - 126.000.000 đồng = 126.000.000 đồng. Số tiền này trừ vào tiền gốc: 1.200.000.000 đồng - 3000.000.000 đồng- 126.000.000 đồng = 774.000.000 đồng.

Từ cơ sở phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để xác định hiện tại vợ chồng ông L bà N chỉ còn nợ vợ chồng bà C ông H tiền gốc là 774.000.000 đồng + 130.000.000 đồng= 904.000.000 đồng. Do đó, cần bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà C đối với số tiền gốc 470.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền yêu cầu này.

Bà C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L bà N có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền gốc và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 1%/ tháng kể từ ngày 31/5/2106 cho đến khi giải quyết xong vụ án là không phù hợp; bởi lẽ, các khoản vay trên các đương sự tranh chấp nhau về lãi suất nên căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận lãi suất là 0,83/%/ tháng. Ông L xin được trả nợ theo hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng nhưng bà C không đồng ý nên không được chấp nhận.

Do đó, cần buộc vợ chồng ông L bà N có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà C ông H số tiền gốc là 904.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh như sau:

904.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 28 tháng 26 ngày = 216.592.373 đồng (tiền lãi tính từ ngày 31/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/10/2018).

Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.120.592.373 đồng.

[4] Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ- BPKCTT ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do ông L đã trên 60, là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Cần buộc bị đơn bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng pháp luật.

Do bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà C nên cần buộc bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị bị bác là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị C về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" đối với bị đơn vợ chồng ông Dương Xuân L, bà Lương Thị N.

Buộc vợ chồng ông Dương Xuân L, bà Lương Thị N có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Hồ Thị C, ông Huỳnh Phi H số tiền 1.120.592.373đ (một tỷ một trăm hai mươi triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng), trong đó tiền gốc là 904.000.000đ (chín trăm linh tư triệu đồng), tiền lãi là 216.592.373đ (hai trăm mười sáu triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự".

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà C đối với số tiền gốc 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi 344.407.627đ (ba trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm linh bảy nghìn, sáu trăm hai mươi bảy đồng) Tổng cộng cả gốc và lãi là 814.407.627đ (tám trăm mười bốn triệu, bốn trăm linh bảy nghìn, sáu trăm hai mươi bảy đồng).

2. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ- BPKCTT ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về án phí: Buộc bà Lương Thị N phải chịu 22.808.885đ (hai mươi hai triệu tám trăm linh tám nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Hồ Thị C phải chịu 36.432.228đ (ba mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 33.225.000đ (ba mươi ba triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002317 ngày 06/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, bà Hồ Thị C còn phải nộp 3.207.228đ (ba triệu, hai trăm linh bảy nghìn, hai trăm hai mươi tám đồng).

Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Bảo Lộc;
- Chi cục THADS thành phố Bảo Lộc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Thành Trung

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA